

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2022/HN&GD-ST**

Ngày: 05-9-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Thanh Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức L tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2022/TLST-HN&GD ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2022/QĐXXST-HN&GD ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: Số nhà 08, đường số 2, xóm 2, thôn 8, xã Gia An, huyện Tánh L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Số nhà 19, đường số 20, thôn 1A, xã Trà Tân, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị L và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân vào ngày 16/9/2020; sau khi kết hôn, chị L và anh T chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T gái gú, rượu chè bên ngoài rồi về nhà vợ chồng cãi nhau, anh T xúc phạm danh dự của chị L và gia đình chị L. Vì vậy, chị L đã chuyển về sống chung với mẹ ruột tại thôn 8, xã Gia An, huyện Tánh L. Quá trình sống ly thân hai anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng; chị L xác định

mục đích hôn nhân giữa chị và anh T không đạt được, đời sống chung không còn kéo dài được nữa, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L thừa nhận giữa chị và anh T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng Phúc, sinh ngày 7/4/2021. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Đối với bị đơn:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Mỹ L ly hôn anh Nguyễn L T.

Về con chung: Giao cho chị L quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng Phúc, sinh ngày 7/4/2021. Ghi nhận ý kiến của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Phạm Thị Mỹ L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Nguyễn Minh T; bị đơn có nơi cư trú tại thôn 1A, xã Trà Tân, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức L xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao chứng nhận kết hôn số 49, đăng ký vào ngày 16/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận, có căn cứ khẳng định chị L và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng không được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị L do anh T gái gú, rượu chè bên ngoài rồi về nhà vợ chồng cãi nhau, anh T xúc phạm danh dự của chị L và gia đình chị L; tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Tòa án thì giữa anh T và chị L mâu thuẫn về tài chính và quan điểm sống dẫn đến cãi nhau; sau khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, anh T biết việc chị L đang có đơn yêu cầu ly hôn anh T tại Tòa án, tuy nhiên anh T không có động thái nào tác động để chị L rút lại đơn khởi kiện và hàn gắn lại quan hệ hôn nhân của anh chị, để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh T.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 62, đăng ký ngày 16/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức L do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ khẳng định giữa chị L và anh T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng Phúc, sinh ngày 07/4/2021. Sau khi ly hôn, chị L có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung của chị L và anh T hiện còn dưới 36 tháng tuổi, đang sống cùng chị L; do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị L quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Phúc. Anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh T vẫn có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, do đó hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị L về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ L.

**1.** Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ L ly hôn anh Nguyễn Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49 do Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 16/9/2020, cấp cho chị Phạm Thị Mỹ L và anh Nguyễn Minh T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Mỹ L quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng Phúc, sinh ngày 07/4/2021.

**3.** Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Phạm Thị Mỹ L về việc không yêu cầu anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Về quyền thăm nom con: Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**5.** Ghi nhận ý kiến của chị Phạm Thị Mỹ L về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ trong vụ án này.

**6.** Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0012252 ngày 10/6/2022. Chị Phạm Thị Mỹ L đã nộp đủ tiền án phí.

**7.** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**8.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức L;
- Chi cục THADS huyện Đức L;
- UBND xã Trà Tân, xã Gia An;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thuận**